

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 458/2026/DS-ST
Ngày 31-7-2026
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* bà Nguyễn Thị Thụy.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* ông Phan Văn Cường và bà Nguyễn Thị Thu Vân.
- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* bà Phạm Thùy Dung, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* bà Mai Thị N, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1147/2026/TLST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 595/2026/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 545/2026/QĐST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Công ty cổ phần M (nay là Công ty cổ phần J); địa chỉ: tầng A, Tòa nhà C, số B phố T, phường Y, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: tầng G, Tòa nhà C, số D N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Nguyễn Duy T, chức vụ: chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: tầng G, Tòa nhà C, số D N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 13/7/2026), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Ngân hàng TMCP V1; địa chỉ: Tòa nhà V, số H L, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: tầng A, Tòa nhà A, số I C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Lương Thê V, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: tầng G, tòa nhà C, số D N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 06/3/2026), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: ông Lê Minh T1, sinh năm 1982 và bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1983; cùng thường trú: số H L, khu phố Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án những người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 – Chi nhánh G (gọi tắt là Ngân hàng) với ông Lê Minh T1 (gọi tắt là ông T1) và bà Nguyễn Thị Q (gọi tắt là bà Q) có thỏa thuận ký kết hợp đồng cho vay số LN2110194532278 ngày 02/11/2021, nội dung thỏa thuận: Ngân hàng cho ông T1 và bà Q vay số tiền 600.000.000 đồng; thời hạn vay 84 tháng; mục đích vay thanh toán tiền mua xe; lãi suất thời điểm giải ngân 8.6%/tháng cố định trong thời hạn 06 tháng, sau đó sẽ được Ngân hàng điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 2.9%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn của khoản nợ bị quá hạn và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, phát hành và sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 12/10/2021, hạn mức tín dụng 20.000.000 đồng.

Ngày 02/11/2021, Ngân hàng giải ngân cho ông T1 và bà Q số tiền vay 600.000.000 đồng.

Khoản vay trên được bảo đảm bằng tài sản theo hợp đồng thế chấp số LN2110194532278 ngày 02/11/2021 đối với xe ô tô hiệu FORD, số khung: RL2LMFF40MCR13350, số máy YM2QPMC13350, biển số 61C-490.77, số giấy đăng ký chứng nhận 61018789 đứng tên ông Lê Minh T1.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông T1 và bà Q đã trả được tiền gốc 292.947.546 đồng và tiền lãi 171.591.109 đồng đối với khoản vay của hợp đồng cho vay, còn đối với thẻ tín dụng không phát sinh dư nợ. Ngoài trả được số tiền trên thì ông T1 và bà Q không còn trả được số tiền nào khác, mặc dù Ngân hàng đã thông báo cho ông T1 và bà Q tiếp tục trả nợ nhưng ông bà đều không thực hiện.

Ngày 28/7/2025, Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 với Công ty cổ phần M (nay là Công ty cổ phần J) thỏa thuận ký kết hợp đồng mua bán nợ số 35/2025/VPB-JUPITER, nội dung:

- Công ty cổ phần M mua một phần (95%) khoản nợ phát sinh theo (các) Hợp đồng cho vay số: LN2110194532278 ngày 02/11/2021.

- Công ty cổ phần M mua 100% khoản nợ phát sinh từ Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng ký ngày 12/10/2021.

Căn cứ vào quy định của pháp luật, Công ty cổ phần M kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ của Ngân hàng phát sinh từ các hợp đồng này và các biện pháp bảo đảm kèm theo. Trong đó, có quyền thực hiện khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Tòa án theo quy định pháp luật. Đồng thời, Ngân hàng tiếp tục là chủ nợ và bên nhận bảo đảm tương ứng với phần khoản nợ chưa bán cho Công ty.

Nay, Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 và Công ty cổ phần M (nay là Công ty cổ phần J) yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Minh T1 và bà Nguyễn Thị Q phải thanh toán tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 31/7/2026 là: 399.080.581 đồng, trong đó: tiền nợ gốc 307.052.454 đồng và tiền nợ lãi 92.028.127 đồng của hợp đồng cho vay số LN2110194532278 ngày 02/11/2021, cụ thể:

- Ông Lê Minh T1 và bà Nguyễn Thị Q phải thanh toán cho Công ty cổ phần M (nay là Công ty cổ phần J) số tiền còn nợ tính đến ngày 31/7/2026 là 379.126.552 đồng, trong đó: tiền nợ gốc 291.699.831 đồng và tiền nợ lãi 87.426.721 đồng.

- Ông Lê Minh T1 và bà Nguyễn Thị Q phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 số tiền còn nợ tính đến ngày 31/7/2026 là 19.954.029 đồng, trong đó: tiền nợ gốc 15.352.623 đồng và tiền nợ lãi 4.601.406 đồng.

- Ông Lê Minh T1 và bà Nguyễn Thị Q phải tiếp tục trả lãi kể từ ngày 01/8/2026 theo các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và văn bản tín dụng của khoản vay cho đến khi trả hết nợ. Lãi phát sinh phải trả cho Ngân hàng và Công ty T3 với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

- Trường hợp ông Lê Minh T1 và bà Nguyễn Thị Q không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng và Công ty yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp để thu hồi số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh tương ứng.

Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng và Công ty thì ông Lê Minh T1 và bà Nguyễn Thị Q vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Đối với thẻ tín dụng không phát sinh dư nợ, cho nên không yêu cầu giải quyết.

** Đối với bị đơn ông Lê Minh T1 và bà Nguyễn Thị Q:*

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải bằng thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, đồng thời yêu cầu ông T1 và bà Q có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông bà không có ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ và vắng mặt không có lý do. Như vậy, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng: quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập bằng thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng không chấp hành theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào yêu cầu của các đương sự trong vụ án, có căn cứ xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn có địa chỉ tại: số H L, khu phố Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Theo kết quả xác minh của Tòa án tại Công an phường T xác định ông Lê Minh T1 và bà Nguyễn Thị Q, có đăng ký thường trú tại: số H L, khu phố Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng hiện không còn sinh sống tại địa phương, khi đi không trình báo nên chính quyền địa phương không biết hiện ông T1 và bà Q cư trú tại đâu. Đồng thời nguyên đơn cũng không biết địa chỉ hiện nay ông T1 và bà Q đang sinh sống. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để triệu tập ông T1 và bà Q đến T2 án làm việc liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông T1 và bà Q vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc. Tòa án triệu tập ông T1 và bà Q tham gia phiên tòa vào ngày 29/7/2026 và ngày 31/7/2026 nhưng ông T1 và bà Q vẫn vắng mặt không có lý do. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Ông T1 và bà Q vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không cung cấp bất cứ chứng cứ gì. Vì vậy, ông T1 và bà Q phải gánh chịu hậu quả do việc không cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 96 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[4] Ngày 28/7/2025, Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 với Công ty cổ phần M (nay là Công ty cổ phần J) thỏa thuận ký kết hợp đồng mua bán nợ số 35/2025/VPB-JUPITER, nội dung:

- Công ty cổ phần M mua một phần (95%) khoản nợ phát sinh theo (các) Hợp đồng cho vay số: LN2110194532278 ngày 02/11/2021.

- Công ty cổ phần M mua 100% khoản nợ phát sinh từ Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng ký ngày 12/10/2021.

Cho nên, Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 và Công ty cổ phần M (nay là Công ty cổ phần J) đều có quyền khởi kiện theo quy định.

[5] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[5.1] Xét hợp đồng cho vay số LN2110194532278 ngày 02/11/2021 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 với ông Lê Minh T1 và bà Nguyễn Thị Q là các hợp đồng được giao kết giữa người có thẩm quyền của Ngân hàng với ông T1 và bà Q, thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện.

Thực hiện hợp đồng trên, Ngân hàng đã giải ngân cho ông T1 và bà Q số tiền vay 600.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T1 và bà Q đã thanh toán được tiền gốc 292.947.546 đồng và tiền lãi 171.591.109 đồng. Sau đó, ông bà không thực hiện trả tiền nữa. Như vậy, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận. Cho nên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Tiền lãi phát sinh tiếp tục tính từ ngày 01/8/2026 đến khi ông T1 và bà Q thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng cho vay số LN2110194532278 ngày 02/11/2021.

[5.2] Xét hợp đồng thế chấp số LN2110194532278 ngày 02/11/2021 giữa Ngân hàng với ông T1 và bà Q đã được ký kết giữa người có thẩm quyền, đúng thủ tục và được đăng ký giao dịch bảo đảm nên phát sinh hiệu lực. Theo đó, ông T1 và bà Q đã dùng tài sản là xe ô tô hiệu FORD, số khung: RL2LMFF40MCR13350, số máy YM2QPMC13350, biển số 61C-490.77, số giấy đăng ký chứng nhận 61018789 đứng tên ông T1 để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp ông T1 và bà Q không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[5.3] Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ thì ông T1 và bà Q vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

[6] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[7] Về chi phí đăng thông báo: nguyên đơn chịu, được khấu trừ hết vào số tiền đã nộp.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn phải chịu án phí theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 96, 144, 147, 180, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 328 Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 và Công ty cổ phần M (nay là Công ty cổ phần J) với ông Lê Minh T1 và bà Nguyễn Thị Q về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1.1 Buộc ông Lê Minh T1 và bà Nguyễn Thị Q phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 và Công ty cổ phần M (nay là Công ty cổ phần J) tổng số tiền tính đến ngày 31/7/2026 là: 399.080.581 đồng, trong đó: tiền nợ gốc 307.052.454 đồng và tiền nợ lãi 92.028.127 đồng của hợp đồng cho vay số LN2110194532278 ngày 02/11/2021, cụ thể:

- Ông Lê Minh T1 và bà Nguyễn Thị Q phải thanh toán cho Công ty cổ phần M (nay là Công ty cổ phần J) số tiền còn nợ tính đến ngày 31/7/2026 là 379.126.552 đồng, trong đó: tiền nợ gốc 291.699.831 đồng và tiền nợ lãi 87.426.721 đồng.

- Ông Lê Minh T1 và bà Nguyễn Thị Q phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 số tiền còn nợ tính đến ngày 31/7/2026 là 19.954.029 đồng, trong đó: tiền nợ gốc 15.352.623 đồng và tiền nợ lãi 4.601.406 đồng.

1.2 Kể từ ngày 01/8/2026, ông Lê Minh T1 và bà Nguyễn Thị Q còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 và Công ty cổ phần M (nay là Công ty cổ phần J) theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng cho vay hạn mức số LN2110194532278 ngày 02/11/2021 cho đến khi ông Lê Minh T1 và bà Nguyễn Thị Q thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 và Công ty cổ phần M (nay là Công ty cổ phần J), lãi phát sinh phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 và Công ty cổ phần M (nay là Công ty cổ phần J) tương ứng với tỷ lệ sở hữu mỗi bên đối với khoản nợ.

1.3 Trong trường hợp ông Lê Minh T1 và bà Nguyễn Thị Q không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 và Công ty cổ phần M (nay là Công ty cổ phần J) có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LN2110194532278 ngày 02/11/2021 đối với tài sản thế chấp là xe ô tô hiệu FORD, số khung: RL2LMFF40MCR13350, số máy YM2QPMC13350, biển số 61C-490.77, số giấy đăng ký chứng nhận 61018789 đứng tên ông Lê Minh T1.

1.4 Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 và Công ty cổ phần M (nay là Công ty cổ phần J) thì ông Lê Minh T1 và bà Nguyễn Thị Q vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 và Công ty cổ phần M (nay là Công ty cổ phần J) cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

2. Về chi phí đăng thông báo: nguyên đơn chịu, được khấu trừ hết vào số tiền đã nộp.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: ông Lê Minh T1 và bà Nguyễn Thị Q phải chịu 19.954.029 đồng. Trả lại cho Công ty cổ phần M số tiền 8.718.625 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0031128 ngày 20/5/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 số tiền 458.875 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số 0031127 ngày 20/5/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 36 và Điều 71 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16- T.p Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16- Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy